TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13 – 3 – 2019
V/v "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hà Trọng Tâm
2. Ông Lê Thái Ngọc

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Thu Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh C.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 984/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị Thu H, sinh năm: 1994. (có mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp, xã KH, huyện TV, tỉnh C.
- *Bị đơn:* Anh Đặng Hoàng V, sinh năm: 1978. (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Nhà không số, đường XNG, khóm T, phường T, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị Lâm Thị Thu H trình bày quan điểm và xác định yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đặng Hoàng V chung sống với nhau từ tháng 10/2017, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống, chị và anh V phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải. Chị và anh V đã không còn sống chung. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Hoàng V.
- Về con chung: Chị H xác định chị và anh V không có con chung.

- Về tài sản chung: Chị H xác định chị và anh V có số tài sản chung là vàng cưới cha mẹ hai bên cho, gồm có: 02 lắc tay vàng 24k, mỗi chiếc trọng lượng 05 chỉ; 01 dây chuyền vàng 24k trọng lượng 05 chỉ; 02 nhẫn vàng 24k mỗi nhẫn trọng lượng 01 chỉ; 01 vòng đeo cổ vàng 24k trọng lượng 03 chỉ. Toàn bộ tài sản chung anh V đang quản lý. Tại đơn khởi kiện ngày 22/11/2018 chị H yêu cầu chia đôi tài sản chung với anh V. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H rút lại yêu cầu chia tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị H xác định chị và anh V không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, tại Bản tự khai đề ngày 22/02/2019, anh Đặng Hoàng V trình bày ý kiến và xác định quan điểm như sau:

- Về hôn nhân: Anh và chị Lâm Thị Thu H chung sống với nhau ngày 29/12/2017 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau đó 02 tháng chị H bỏ đi. Anh V đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh V xác định anh và chị H không có con chung.

- Về tài sản chung: Anh V xác định anh và chị H có tài sản chung là số vàng được cho trong ngày cưới gồm: 01 lắc vàng 24k trọng lượng 05 chỉ; 01 dây chuyền vàng 24k trọng lượng 05 chỉ; 02 chiếc nhẫn cưới vàng 18k; 01 vòng cổ vàng 24k trọng lượng 03 chỉ. Tài sản chung chị H đang quản lý. Khi ly hôn, anh không có yêu cầu gì về tài sản chung, anh và chị H tự thỏa thuận với nhau.

- Về nợ chung: Anh V xác định anh và chị H không có nợ chung.

- Do bận công việc, không có nhiều thời gian, anh V yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh. Anh V cam kết không khiếu nại gì về sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lâm Thị Thu H và anh Đặng Hoàng V không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; anh V hiện cư trú tại thành phố C; anh V yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân, Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt anh V là đúng quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên thực tế, chị Lâm Thị Thu H và anh Đặng Hoàng V có tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng chị H và anh V không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân của chị H và anh V đã vi phạm về việc đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, việc kết hôn của anh, chị là không thỏa mãn về mặt hình thức, không có giá trị pháp lý.

Thời gian chung sống, chị H xác định chị và anh V phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm không thể khắc phục được, chị và anh V không còn sống chung. Anh V xác định chị H đã bỏ đi. Chị H yêu cầu ly hôn, anh V cũng đồng ý ly hôn.

Xét mâu thuẫn thực tế của chị H và anh V là có xảy ra, đời sống chung của anh, chị hiện tại không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời hôn nhân của chị H và anh V có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Chị H và anh V xác định anh, chị không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh V không yêu cầu chia tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị H và anh V xác định anh, chị không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh V có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 7 Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lâm Thị Thu H và anh Đặng Hoàng V.

2 - Về con chung: Không có.

3 - Về tài sản chung: Chị H và anh V không yêu cầu chia tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4 - Về nợ chung: Chị H và anh V xác định anh, chị không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị H phải chịu 300.000đ. Ngày 04 tháng 12 năm 2018, chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.125.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai số 0001691) được đối trừ, chị H được nhận lại 825.000 đồng khi bản án có hiệu lực.

6 - Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh V vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp.C;
- THADS Tp.C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân